

Bản án số 42/2018/HNGĐ-ST

Ngày 19.10.2018

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Chi

2. Ông Nguyễn Đình Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngô Khánh Loan - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu tham gia phiên tòa: Ông Võ Quang Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 340/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2018 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đào Lê Duy T - sinh năm 1992; nơi cư trú: K40/11 N, phường H, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, (Có mặt).

- Bị đơn: Ông Lê Sáu M - Sinh năm 1989; nơi ĐKNKTT: K40/11 N, phường H, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng; nơi cư trú: K1/125 P, phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại Đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 18 tháng 7 năm 2018, Bản tự khai ngày 28 tháng 8 năm 2018, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - bà Đào Lê Duy T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Sáu M tự nguyện kết hôn vào năm 2012; có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Sau khi kết hôn, bà và ông M chung sống tại nhà của cha mẹ bà tại K40/11 N, thành phố Đà Nẵng. Đến năm 2016, thì thuê nhà sống tại K165/4 T, phường H, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn ngay sau khi kết hôn, trầm trọng nhất là từ tháng 5 năm 2017. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp về tính tình, bất đồng về quan điểm sống; ông M nhiều lần đánh bà. Lần cuối cùng bà bị ông M đánh là vào ngày 17.5.2017, phải nhờ can thiệp của Công an phường H. Từ đây, bà chuyển về sống với cha mẹ ruột và vợ chồng ly thân cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng đã cố gắng hòa giải, nhưng vẫn không có kết quả. Nay, bà xác định không còn tình cảm với ông M, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, không hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn.

- Về quan hệ nuôi con chung: Bà xác định bà và ông M có 01 con chung tên là Lê Trí K - Sinh ngày 10 tháng 8 năm 2012. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*).

- Về quan hệ chia tài sản: Bà xác định bà và ông M không có tài sản chung, không nợ của ai và không có ai nợ của ông bà.

Tại phiên tòa, bà T giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Bà trình bày: Ngày 17.5.2017, bà bị ông M đánh nên quyết định đi về nhà cha mẹ ruột. Khi đi, bà muốn mang theo con, nhưng ông M kiên quyết không cho, đồng thời lúc này bản thân chưa có việc làm nên bà không còn cách nào khác là ra đi một mình, chứ không phải là bỏ con cho ông M nuôi. Tuy nhiên, từ đó đến nay, bà và ông M vẫn thay nhau đưa đón con đi học vào các ngày trong tuần và cuối tuần con về ở với bà. Nay, bà đã có công việc làm ổn định tại Công ty tài chính TNHH S, với mức lương hơn 10.000.000đ/tháng. Bà yêu cầu được nuôi con và yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ. Nếu Tòa án quyết định ông M nuôi con, thì bà cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ.

* Tại Bản tự khai ngày 23 tháng 8 năm 2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn - ông Lê Sáu M trình bày: Thống nhất với trình bày của bà T về thời gian đăng ký kết hôn, điều kiện kết hôn, địa điểm chung sống sau khi kết hôn, thời điểm vợ chồng sống ly thân.

Ông xác định trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp về tính tình, quan điểm sống; bà T còn trẻ tuổi nên cư xử chưa chín chắn; mâu thuẫn về vấn đề kinh tế. Ông thừa nhận có đánh bà T 05 - 06 lần do nóng giận vì những lời lẽ xúc phạm của bà T. Sau khi bà T về ở với cha mẹ ruột, ông chăm sóc và nuôi dạy con cho đến nay, nhưng vẫn tạo điều kiện cuối tuần cho con về ở với bà T. Trong thời gian sống ly thân, nhiều lần vợ chồng đã cố gắng hòa giải, nhưng không được. Nay, ông đồng ý ly hôn.

- Về quan hệ nuôi con chung: Ông xác định ông và bà T có 01 con chung như bà T trình bày. Ông trình bày bản thân ông có kiến thức tốt hơn, có thu nhập tốt hơn và nhiều thời gian hơn bà T nên yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu bà T cấp dưỡng. Nếu Tòa án quyết định giao con cho bà T nuôi, thì ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*).

- Về quan hệ chia tài sản chung: Ông xác định ông và bà T không có tài sản chung, không nợ của ai và không có ai nợ của ông bà.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu phát biểu: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 68; các điều từ 93 đến 97; các điều 195, 195 và 203 Bộ luật Tố tụng dân sự trong thời gian chuẩn bị xét xử. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về

việc xét xử sơ thẩm vụ án. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71, 72 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51 và 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà T và ông M. Về con chung: Trong thời gian bà T bỏ về nhà mẹ đẻ từ tháng 6 năm 2017 đến nay, cháu Khiêm được ông M trực tiếp chăm sóc, vẫn đảm bảo các điều kiện để phát triển bình thường. Bà T không chứng minh được ông M không đủ điều kiện cần thiết để nuôi con, không chứng minh được bà T có điều kiện nuôi con tốt hơn ông M. Để đảm bảo tính ổn định về mọi mặt cho con chung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện tranh chấp ly hôn của bà Đào Lê Duy T đối với ông Lê Sáu M, Hội đồng xét xử thấy:

Bà Đào Lê Duy T và ông Lê Sáu M đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại Ủy ban nhân dân phường H, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Do vậy, hôn nhân giữa bà T và ông M là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, giữa bà T và ông M đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp về tính tình và quan điểm sống; ông M nhiều lần đánh bà T, do bà T có những lời nói xúc phạm đến ông. Vợ chồng đã có thời gian dài sống ly thân và đã có gắng hòa giải, nhưng không có kết quả. Nay, bà T và ông M thống nhất thuận tình ly hôn.

Xét thấy, giữa bà T và ông M không còn tình cảm, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông bà thật sự tự nguyện ly hôn. Hội đồng xét xử căn cứ các điều 51, 55 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà T và ông M.

[2] Về quan hệ nuôi con: Bà T và ông M có 01 con chung tên là Lê Trí K - Sinh ngày 10 tháng 8 năm 2012. Bà T yêu cầu được nuôi con và yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*). Ông M cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Xét, tại phiên tòa, cả bà T và ông M đều xác định trong thời gian sống ly thân, ông bà đều đảm bảo cho con chung được sống với cả cha và mẹ (đầu tuần ở với cha, cuối tuần ở với mẹ). Con chung Lê Trí K còn nhỏ tuổi; hiện đang học lớp 1 Trường Tiểu học Lý Công Uẩn, thuộc phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, gần nơi cư trú của bà T. Bà T hiện đang có việc làm, thu nhập ổn định và tha thiết có nguyện vọng được nuôi con. Căn cứ quyền lợi mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử cần xử giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Bà T yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ. Ông M cũng đã thể hiện ý kiến trường hợp Tòa án quyết định giao con cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, thì ông cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000đ. Căn cứ nhu cầu thiết yếu của con, áp dụng các điều 110 và 116 Luật Hôn nhân và gia đình,

Hội đồng xét xử buộc ông M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*). Thời gian thực hiện nghĩa vụ kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên (*Đủ 18 tuổi*).

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về con chung cho rằng sau khi ly hôn, con chung ở với ông M nên đảm bảo sự ổn định cần giao con chung cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng, là không phù hợp với trình bày của bà T và ông M tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3] Về quan hệ chia tài sản: Bà T và ông M xác định không có tài sản chung, không nợ của ai và không có ai nợ của ông bà nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) bà T phải chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*), ông M phải chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*); Án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) ông M phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 51, 55, 56, 81, 82, 83, 84, 110 và 116 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 4 Điều 147, các Điều 235 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Đào Lê Duy T và ông Lê Sáu M.

*** Về quan hệ nuôi con:**

Xử: Giao con chung Lê Trí K- Sinh ngày 10 tháng 8 năm 2012 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (*Đủ 18 tuổi*). Ông M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*). Thời gian thực hiện kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên (*Đủ 18 tuổi*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

*** Về quan hệ chia tài sản:** Bà T và ông M không có tài sản chung, không nợ của ai và không có ai nợ của ông bà.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) bà T phải chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*), ông M phải chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*). Án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) ông M phải chịu.

Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn ngàn đồng*) bà T đã nộp tại biên lai thu số 0003124 ngày 02 tháng 8 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Liên Chiểu. Hoàn trả cho bà T số tiền tạm ứng án phí 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*).

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trở lời hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND. Quận Liên Chiểu;
- UBND. Phường Hòa Thuận Tây;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Thủy